



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02966

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : PROBI-Blend PA
Số lượng/ khối lượng : 08 thùng/ 200 kg
Hãng, nước sản xuất : Invivo Biosciences, LLC, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : INV-20250701-1 ngày 01/07/2025
Hóa đơn số : 20250701-1 ngày 01/07/2025
Vận đơn số : YUS05705033
Ngày sản xuất : 26/6/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5096/HQ-GDK-TTKN ngày 09/07/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037202)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN**
Địa chỉ: 18 đường số 3, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 1646 /QĐ-TTKN
Ngày 19 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02967

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: NUTR-REM
Số lượng/ khối lượng	: 14 thùng/ 350 kg
Hãng, nước sản xuất	: Invivo Biosciences, LLC, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: INV-20250701-1 ngày 01/07/2025
Hóa đơn số	: 20250701-1 ngày 01/07/2025
Vận đơn số	: YUS05705033
Ngày sản xuất	: 27/6/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: 5096/HQ-GDK-TTKN ngày 09/07/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037202)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN Địa chỉ: 18 đường số 3, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Quyết định chứng nhận

Số: 1646 /QĐ-TTKN
Ngày 19 tháng 7 năm 2025



Phạm Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02968

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Pediococcus Acidilactici (>5 billion CFU/g)
Số lượng/ khối lượng	: 03 thùng/ 75 kg
Hãng, nước sản xuất	: Invivo Biosciences, LLC, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: INV-20250701-1 ngày 01/07/2025
Hóa đơn số	: 20250701-1 ngày 01/07/2025
Vận đơn số	: YUS05705033
Ngày sản xuất	: 24/6/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: 5096/HQ-GDK-TTKN ngày 09/07/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037202)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH RỪNG BIÊN Địa chỉ: 18 đường số 3, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 1646 /QĐ-TTKN
Ngày 19 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng



BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	MÃ SỐ MẪU	QUY CHUẨN ÁP DỤNG	TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN 14/07/2025	0725218/HQV2	QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	PROBI-Blend PA Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) <i>Aflatoxin B1</i> ($\mu\text{g/kg}$) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	BNNPTNT 29250037202
	0725219/HQV2	QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	NUTR-REM Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) <i>Aflatoxin B1</i> ($\mu\text{g/kg}$) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	
	0725220/HQV2	QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	Pediococcus Acidilactici (>5 billion CFU/g) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) <i>Aflatoxin B1</i> ($\mu\text{g/kg}$) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

Gửi mẫu			Phòng thử nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ giờ, ngày .../.../....)		
Bùi Trọng Đoàn	ASTAC 2	17h30 ngày 14/07/2025	ASTAC 1	



3K

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



LAS-NN

94

PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 2573 / 201710 2513

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045.

- Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân

Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information ☐ Có/Yes; ☐ Không/No:

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

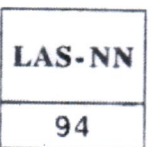
TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	0725218/HQV2	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1(µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	
2.	0725219/HQV2	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1(µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	
3.	0725220/HQV2	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1(µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.2 bảng 2	

Signature

3K

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose: ☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature) Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐ Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):	Người gửi mẫu/ Customer Phạm Hồng Quân
---	--

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 15.-07-2025 Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 19.-07-2025 Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☐ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☐ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen Ghi chú/note:	Người nhận mẫu/ Recipient Nguyễn Ngọc Anh
---	--

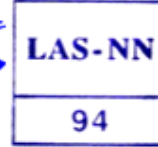
Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột "Mã số mẫu/ Sample code", Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.
- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột "Phương pháp thử", trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.
- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 8959/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 25132507914
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 15/07/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 15/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725218/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 18/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 8960/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 25132507915

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 15/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 15/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725219/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 18/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

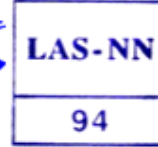
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 8961/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 25132507916
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 15/07/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 15/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725220/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 18/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]